

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THANH XUÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **183/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 29/04/2020

V/v: *Tranh chấp ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Hồng Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chu Thị Tuyết

2. Ông Đỗ Quang Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Phương Ánh Nguyệt

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Mai Phương – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 04 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 198/2019/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2020/QĐXX-HNĐG ngày 02 tháng 3 năm 2020; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ông Trần Văn T**, sinh năm 1972; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 9, ngõ 56 phố A, tổ 28, phường B, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội; Địa chỉ cư trú: Khu tập thể D, ngõ 805, đường G, phường T, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. (Có mặt)

2. Bị đơn: **Bà Nguyễn Thị V**, sinh năm 1979; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và địa chỉ cư trú: Số 9, ngõ 56 phố A, tổ 28, phường B, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 02 tháng 5 năm 2019, ông Trần Văn T có đơn khởi kiện vụ án hôn nhân và gia đình, yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: Ông Trần Văn T xin ly hôn với bà Nguyễn Thị V.

Về nuôi con chung: Ông bà có 02 con chung là cháu Trần Nhật A, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2005; Trần Mỹ A sinh ngày 13/11/2008; Trần Anh Đ, sinh ngày 23/8/2017. Nay ly hôn, ông đồng ý để bà V nuôi dưỡng hai con chung là Nhật A và Mỹ A và tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000đồng/ tháng. Riêng đối với cháu Trần Anh Đ, sinh ngày 23/8/2017, mặc dù cháu sinh ra trong thời kỳ hôn nhân nhưng cháu không phải là con chung giữa ông và bà V. Ông đề nghị Tòa án làm thủ tục cần thiết để ra quyết định không công nhận cha – con giữa ông và cháu Trần Anh Đ.

+ Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã xuất trình các tài liệu, chứng cứ sau:

- 1) 01 Trích lục kết hôn (bản sao);
- 2) 02 CMTND của vợ; chồng (bản sao);
- 3) 01 Sổ hộ khẩu gia đình (bản sao);
- 4) 03 trích lục khai sinh con (bản sao);
- 5) 01 giấy xác nhận tình trạng chung sống của vợ chồng
- 6) 01 đơn đề nghị của con chung
- 7) 01 đơn đề nghị hòa giải không qua trung tâm hòa giải.

* Quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn – ông Trần Văn T trình bày:

- **Về tình cảm:** Ông và bà Nguyễn Thị V có đăng kết hôn tự nguyện ngày 15/11/2004 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, thành phố Hà Nội. Vợ chồng hạnh phúc đến tháng 06 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hoà hợp, vợ chồng thường xuyên cãi cọ và từ tháng 5/2017 vợ chồng sống ly thân, nay tình cảm vợ chồng không còn nên ông xin ly hôn với chị Nguyễn Thị V.

- **Về con chung:** Vợ chồng ông bà có 02 con chung là cháu Trần Nhật A, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2005 và Trần Mỹ A sinh ngày 13/11/2008. Riêng cháu Trần Anh Đ sinh ngày 23/8/2017 mặc dù cháu sinh ra trong thời kỳ hôn nhân nhưng không phải là con chung giữa ông và bà V. Nay ly hôn, ông đồng ý để bà V nuôi dưỡng hai con chung là Nhật A và Mỹ A và tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000đồng/ tháng.

- **Về tài sản chung, công nợ chung:** Ông bà tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - Bà Nguyễn Thị V thừa nhận bà và ông T có đăng kết hôn tự nguyện năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, thành phố Hà Nội. Vợ chồng hạnh phúc đến tháng 5 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nay ông T xin ly hôn, bà cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng ông bà có 03 con chung là: Trần Nhật A, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2005; Trần Mỹ A sinh ngày 13/11/2008 và Trần Anh Đ sinh ngày 23/8/2017. Việc ông T cho rằng cháu Đ không phải là con chung của ông bà và yêu cầu trưng cầu giám định Gen đối với cháu Đ bà không đồng ý vì: Cháu Đ là con chung của vợ chồng ông bà, khi bà mang thai cháu Đ được 04 tháng ông T mới ra ở riêng, hơn nữa cháu còn nhỏ điều này sẽ ảnh hưởng đến tâm lý của cháu. Ly hôn, bà xin nuôi cả ba con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung là 10.000.000đồng/tháng/03

con chung (*mười triệu đồng một tháng cho cả ba con chung*), nếu ông T không đồng ý thì đề nghị ông T cấp dưỡng là 7.000.000đồng/tháng/ba con chung(*bảy triệu đồng một tháng cho cả ba con chung*).

Về tài sản chung, công nợ chung: Ông bà tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay,

Nguyên đơn thừa nhận: Từ khi vợ chồng sống ly thân (tháng 5/2017) các con đều do bà V trực tiếp nuôi dưỡng. Hàng tháng, ông vẫn gửi tiền nuôi con cho bà V là 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*). Quá trình giải quyết và tại phiên toà hôm nay, ông cũng không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cháu Trần Anh Đ không phải là con đẻ của ông nên đề nghị Toà giải quyết theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con, ông đồng ý cấp dưỡng là 6.000.000đồng/tháng/ba con chung(*sáu triệu đồng một tháng cho cả ba con chung*).

Bị đơn trình bày: Ông T xin ly hôn, bà đồng ý; Về con chung: Để đảm bảo cuộc sống ổn định của các con, mong Hội đồng xét xử cho bà được nuôi cả ba con chung; Bà không đồng ý trưng cầu giám định Gen đối với cháu Trần Anh Đ và đồng ý chấp nhận mức đóng góp tiền nuôi con là 6.000.000đồng/tháng/ba con chung (*sáu triệu đồng một tháng cho cả ba con chung*).

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên nhân một phần khách quan là do các đương sự không hợp tác, tòa án phải tiến hành hòa giải nhiều lần dẫn đến vụ án bị kéo dài. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Trần Văn T, ông T được ly hôn bà Nguyễn Thị V. Về con chung: Bà Nguyễn Thị V được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 03 con chung

là: Trần Nhật A, sinh ngày 24/10/2005; Trần Mỹ A sinh ngày 13/11/2008 và Trần Anh Đ, sinh ngày 23/8/2017; Ông Trần Văn T có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị V thống nhất cấp dưỡng tiền nuôi con là 6.000.000đồng/tháng/03 con chung (*sáu triệu đồng một tháng cho cả ba con chung*) kể từ tháng 5/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc hai bên có sự thay đổi khác. Đối với yêu cầu của Nguyên đơn đề nghị Tòa án xác định không phải cha – con giữa ông Trần Văn T và cháu Trần Anh Đ, sinh ngày 23/8/2017 không đủ căn cứ chấp nhận nên không thể xem xét trong vụ án này. Về tài sản chung, công nợ chung: không yêu cầu giải quyết; Về án phí: Ông T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn, bị đơn có mặt là tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

Hôn nhân giữa ông T và bà V trên cơ sở có tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Thời gian chung sống của vợ chồng hạnh phúc trong thời gian đầu, sau phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không ai còn quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết vụ án, ông T xin ly hôn, bà V đồng ý và thừa nhận vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, hai bên cũng nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng

đã sống ly thân một thời gian. Xét thấy: Trong quá trình giải quyết và tại phiên toà cả hai thừa nhận vợ chồng luôn căng thẳng, giữa ông bà thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, mâu thuẫn chủ yếu là do cả hai. Tình trạng hôn nhân giữa ông T, bà V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hai vợ chồng không có cơ hội hàn gắn, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Trần Văn T, ông T được ly hôn với bà Nguyễn Thị V.

[3]. Về con chung:

Ông T cho rằng vợ chồng ông bà có 02 con chung là Trần Nhật A, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2005; Trần Mỹ A sinh ngày 13/11/2008; riêng cháu Trần Anh Đ sinh ngày 23/8/2017 mặc dù sinh ra trong thời kỳ hôn nhân nhưng cháu không phải là con chung của ông bà. Quá trình giải quyết tại Toà án, khi thì ông T thừa nhận có 03 con chung, khi lại không thừa nhận. Toà án đã yêu cầu ông cung cấp chứng cứ, tài liệu chứng minh về việc ông và cháu Đ không có quan hệ huyết thống nhưng ông T không cung cấp được và đề nghị Toà án trưng cầu giám định Gen đối với cháu Trần Anh Đ. Toà án đã ra thông báo đề nghị làm thủ tục giám định ADN đối với cháu Đ nhưng bà V không đồng ý và cho rằng cháu Đ là con chung của vợ chồng ông bà, việc đi giám định gen sẽ ảnh hưởng đến tâm sinh lý của cháu sau này. Để đảm bảo quyền và lợi ích của cháu Trần Anh Đ cũng như theo quy định tại Điều 88 luật hôn nhân gia đình: Con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hoặc do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng vì vậy không có căn cứ để xem xét yêu cầu của ông T đối với cháu Trần Anh Đ trong vụ án này. Chấp nhận sự tự nguyện của ông T đồng ý để bà V nuôi dưỡng ba con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà anh T và chị V thoả thuận mức cấp dưỡng nuôi con chung là 6.000.000đồng/tháng/ba con chung (*sáu triệu đồng một tháng cho cả ba con chung*) nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thoả thuận này của hai bên.

[4]. Về tài sản chung và công nợ chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm; Ông T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, Điều 147 Khoản 4, Điều 271, Điều 272 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm b Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Xử :

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Trần Văn T, ông T được ly hôn bà Nguyễn Thị V.

2. Về con chung: Giao ba con chung: Trần Nhật A, sinh ngày 24/10/2005; Trần Mỹ A sinh ngày 13/11/2008 và Trần Anh Đ, sinh ngày 23/8/2017 cho bà Trần Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Trần Văn T có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị V thống nhất cấp dưỡng tiền nuôi con là

6.000.000đồng/tháng/03 con chung (*sáu triệu đồng một tháng cho cả ba con chung*) kể từ tháng 5/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc hai bên có sự thay đổi khác.

Đối với yêu cầu của Nguyên đơn đề nghị Tòa án xác định không phải cha – con giữa ông Trần Văn T và cháu Trần Anh Đ, sinh ngày 23/8/2017 không đủ căn cứ chấp nhận nên không thể xem xét trong vụ án này.

3. Về án phí: Ông Trần Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung; được đối trừ 300.000 đồng ông T đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005913 ngày 06/5/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân); Ông Trần Văn T còn phải chịu 300.000 đồng.

4. Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân;
- Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lưu Thị Hồng Vân